

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu vực du lịch - đô thị - thương mại ven biển Nghi Xuân - Lộc Hà đến năm 2040, tỷ lệ 1/5000**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch các khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 3854/QĐ ngày 22/12/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng Khu vực du lịch - đô thị - thương mại ven biển Nghi Xuân - Lộc Hà đến năm 2040, tỷ lệ 1/5000;

Căn cứ Văn bản số 66/BXD-QHKT ngày 28/5/2019 của Bộ Xây dựng về việc quy hoạch chung xây dựng Khu vực du lịch - đô thị - thương mại ven biển Nghi Xuân - Lộc Hà;

Xét đề nghị của Ban quản lý quy hoạch xây dựng - Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1309/SXD-KTQH ngày 13/6/2019; Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Xây dựng tại Văn bản số 367/SXD-KTQH ngày 20/6/2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng với các nội dung sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng Khu vực du lịch - đô thị - thương mại ven biển Nghi Xuân - Lộc Hà đến năm 2040, tỷ lệ 1/5000.

2. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Sở Xây dựng.

3. Nhà thầu lập quy hoạch: Viện Nghiên cứu Thiết kế đô thị - Viện Quy hoạch đô thị và Nông thôn quốc gia.

4. Vị trí, quy mô, ranh giới quy hoạch

a) *Vị trí:* Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch thuộc các xã ven biển của 2 huyện Nghi Xuân và huyện Lộc Hà (từ Cửa Hội đến Cửa Sót).

*b) Phạm vi ranh giới lập quy hoạch:*

- Phía Bắc giáp sông Lam;
- Phía Nam sông Cửa Sốt;
- Phía Đông giáp Biên Đông;
- Phía Tây giáp các xã thuộc huyện Nghi Xuân và Lộc Hà.

*c) Quy mô:*

- Quy mô diện tích đất trong phạm vi nghiên cứu khoảng 11.489,29 ha;
- Quy mô dân số dự báo đến năm 2030 đạt khoảng 101.400 người, đến năm 2040 đạt khoảng 120.000 người.

**5. Tính chất, mục tiêu quy hoạch**

*a) Tính chất:*

- Đô thị du lịch: Xây dựng vùng ven biển Nghi Xuân - Lộc Hà phát triển gắn với du lịch - đô thị - thương mại vùng, trở thành một khu vực phát triển năng động, hấp dẫn hướng tới một vùng du lịch biển phát triển thịnh vượng phía Đông Bắc tỉnh Hà Tĩnh.

- Đô thị sinh thái: Phát triển vùng du lịch hướng tới các yếu tố sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu bằng các giải pháp thiết kế các không gian xanh cảnh quan trên cơ sở tôn trọng cảnh quan tự nhiên của khu vực Nghi Xuân - Lộc Hà với bãi biển đẹp và hệ thống các sông hồ trong khu vực.

- Du lịch: Phát triển du lịch biển, du lịch văn hóa và tâm linh là 2 sản phẩm du lịch trọng tâm trong vùng, tạo ra sức hấp dẫn riêng có của vùng biển Nghi Xuân - Lộc Hà, bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống vùng núi Hồng Lĩnh.

- Dịch vụ thương mại: Xây dựng vùng dịch vụ thương mại ven biển, khai thác lợi thế kinh tế biển, trở thành đầu mối giao thương quan trọng và cung cấp dịch vụ thương mại toàn vùng;

- Nông nghiệp công nghệ cao: Phát huy tối đa hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp, áp dụng các ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, đặc biệt trong chăn nuôi thủy sản.

*b) Mục tiêu:*

- Cụ thể hoá Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các định hướng của Tỉnh đối với khu vực ven biển Nghi Xuân - Lộc Hà.

- Định hướng phát triển trở thành khu vực du lịch, đô thị, thương mại, các điểm dân cư nông thôn, xác định các công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối, các khu chức năng tập trung (giáo dục, y tế), khu du lịch, nghỉ dưỡng, giải quyết việc làm cho người lao động, tăng thu cho ngân sách, đẩy mạnh tốc độ phát triển kinh tế xã hội của địa phương và tỉnh Hà Tĩnh.

- rà soát hệ thống và quy mô phát triển đô thị trong khu vực để điều chỉnh phù hợp hơn với khả năng và nhu cầu phát triển thực tế.

- Phát triển trên cơ sở bảo tồn vùng cảnh quan tự nhiên khu vực ven biển Nghi Xuân - Lộc Hà, đảm bảo phát triển khu vực thích ứng với biến đổi khí hậu

và bền vững.

- Làm cơ sở cho việc tổ chức lập quy hoạch đô thị, các khu chức năng đô thị; đề xuất danh mục các chương trình đầu tư và dự án phát triển kinh tế - xã hội; trở thành công cụ hiệu quả để kiểm soát phát triển và quản lý đô thị.

#### 6. Định hướng phát triển không gian

Toàn bộ dải ven biển Nghi Xuân - Lộc Hà được chia thành 3 phân khu chính, bao gồm:

a) Phân khu 1: Gồm các xã Xuân Hội, Xuân Trường, Xuân Đan, Xuân Phổ, Xuân Hải.

- Quy mô :

+ Diện tích khoảng	3.600,75 ha;
+ Quy mô dân số hiện trạng:	21.430 người;
+ Quy mô dân số đến năm 2030:	26.520 người;
+ Quy mô dân số không chế năm 2040:	33.280 người.

- Định hướng không gian:

+ Hình thành khu vực cửa ngõ với các chức năng hỗn hợp: ở, du lịch, thương mại, dịch vụ... gắn với tuyến đường ven biển, cầu Bến Thủy 3 kết nối với khu du lịch Cửa Lò và thành phố Vinh, trung tâm tại Xuân Hội và Xuân Trường.

+ Phát triển không gian gắn kết với các đô thị Xuân An, Nghi Xuân, đảo Xuân Giang, tạo thành cực phát triển mạnh mẽ ở khu vực Bắc Hà Tĩnh.

+ Phát triển du lịch kết hợp hỗ trợ hậu cần nghề cá, đánh bắt nuôi trồng thủy sản.

+ Phát triển du lịch biển và bảo tồn rừng phòng hộ ven biển.

+ Cải tạo chỉnh trang làng xóm hiện hữu, kết hợp du lịch trải nghiệm

+ Cải tạo chỉnh trang hạ tầng, không gian kiến trúc cảnh quan đô thị, tăng cường các giải pháp nhằm thu hút khách du lịch lưu trú.

b) Phân khu 2: Gồm các xã Xuân Yên, Xã Xuân Thành, Cổ Đạm, Xuân Liên, Cương Gián

- Quy mô:

+ Diện tích khoảng	5.083,85 ha;
+ Quy mô dân số hiện trạng:	36.810 người;
+ Quy mô dân số đến năm 2030:	45.230 người;
+ Quy mô dân số không chế 2040:	52.920 người.

- Định hướng không gian:

+ Phát triển đô thị Xuân Thành và Cương Gián trở thành đô thị loại V là động lực phát triển cho khu vực

+ Phát triển trung tâm du lịch biển Xuân Thành với các chức năng đa dạng (golf, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí...) là động lực phát triển cho khu vực.

+ Phát triển du lịch, tiêu thụ sản xuất các mặt hàng tiêu thủ công nghiệp và

mặt hàng tiêu dùng khác.

+ Hình thành các khu vực du lịch gắn kết tại Xuân Liên, Cương Gián, rào Mỹ Dương.

+ Bố trí khu vực nông nghiệp công nghệ cao tại xã Cổ Đạm và Xuân Liên.

+ Bảo tồn rừng phòng hộ ven biển.

+ Cải tạo chỉnh trang làng xóm hiện hữu, kết hợp du lịch trải nghiệm.

+ Cải tạo chỉnh trang hạ tầng, không gian kiến trúc cảnh quan đô thị, tăng cường các giải pháp nhằm thu hút khách du lịch lưu trú.

c) Phân khu 3: Gồm các xã Thịnh Lộc, Thạch Bằng, Thạch Kim

- Quy mô:

+ Diện tích khoảng 2.804,69 ha;

+ Quy mô dân số hiện trạng: 24.742 người;

+ Quy mô dân số đến năm 2030: 29.650 người;

+ Quy mô dân số không chế tối đa: 33.800 người;

- Định hướng không gian:

+ Tiếp tục phát triển đô thị Lộc Hà là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa của huyện Lộc Hà

+ Đầu tư chỉnh trang Khu di tích danh thắng quốc gia Chùa Chân Tiên, phát huy lễ hội truyền thống tại chùa Chân Tiên, chùa Kim Dung.

+ Hình thành khu du lịch tại Thịnh Lộc, hoàn thiện không gian du lịch tại biển Xuân Hải, xã Thạch Bằng.

+ Bố trí khu vực vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại khu vực xã Thịnh Lộc.

+ Bảo tồn rừng phòng hộ ven biển.

+ Cải tạo chỉnh trang làng xóm hiện hữu, kết hợp du lịch trải nghiệm.

+ Hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

## 7. Quy hoạch sử dụng đất

Bảng tổng hợp cơ cấu sử dụng đất

TT	Hạng mục sử dụng đất	Năm 2030		Năm 2040	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	<b>Tổng diện tích đất tự nhiên toàn khu vực quy hoạch (A + B)</b>	<b>11.489,29</b>	<b>100,00</b>	<b>11.489,29</b>	<b>100,00</b>
<b>A</b>	<b>Đất tự nhiên đô thị (I+II)</b>	<b>6.282,49</b>	<b>54,68</b>	<b>6.282,49</b>	<b>54,68</b>
<b>I</b>	<b>Đất khu vực phát triển đô thị</b>	<b>1.833,59</b>	<b>15,96</b>	<b>2.064,17</b>	<b>17,97</b>
<b>I.1</b>	<b>Đất dân dụng</b>	<b>1.026,62</b>	<b>8,94</b>	<b>1.136,09</b>	<b>9,89</b>
1	Đất công cộng đô thị	65,60	0,57	78,03	0,68
2	Đất cây xanh, TĐTT đô thị	122,44	1,07	137,79	1,20
3	Đất giao thông đô thị	215,67	1,88	238,50	2,08
4	Đất trường học	17,53	0,15	23,86	0,21

TT	Hạng mục sử dụng đất	Năm 2030		Năm 2040	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
5	Đất ở	605,38	5,27	657,91	5,73
5.1	Đất ở hiện trạng trong khu vực PTĐT	235,04	2,05	235,04	2,05
5.2	Đất ở mới trong khu vực PTĐT	370,34	3,22	422,87	3,68
<b>I.2</b>	<b>Các loại đất khác trong phạm vi khu dân dụng</b>	<b>640,49</b>	<b>5,57</b>	<b>739,57</b>	<b>6,44</b>
1	Đất hỗn hợp	90,50	0,79	152,50	1,33
2	Đất cơ quan, viện nghiên cứu trường đào tạo	15,80	0,14	24,86	0,22
3	Đất tôn giáo tín ngưỡng, di tích	12,64	0,11	12,64	0,11
4	Đất du lịch	310,60	2,70	380,57	3,31
5	Đất dự trữ phát triển	210,95	1,84	169,00	1,47
<b>I.3</b>	<b>Đất ngoài phạm vi khu dân dụng</b>	<b>166,48</b>	<b>1,45</b>	<b>188,51</b>	<b>1,64</b>
1	Đất CN, TTCN	10,32	0,09	15,72	0,14
2	Đất an ninh quốc phòng	2,03	0,02	2,03	0,02
3	Đất hạ tầng kỹ thuật đầu mối	52,60	0,46	69,23	0,60
4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ	101,53	0,88	101,53	0,88
<b>II</b>	<b>Đất ngoài khu vực phát triển đô thị</b>	<b>4.448,90</b>	<b>38,72</b>	<b>4.218,32</b>	<b>36,72</b>
1	Đất ở ngoài khu vực phát triển đô thị	366,03	3,19	393,23	3,42
1.1	Đất ở hiện trạng ngoài khu vực PTĐT	135,97	1,18	135,97	1,18
1.2	Đất ở mới ngoài khu vực PTĐT	230,06	2,00	257,26	2,24
2	Đất cây xanh ngoài khu vực PTĐT	651,78	5,67	651,78	5,67
3	Đất công cộng ngoài khu vực PTĐT	140,74	1,22	168,86	1,47
4	Đất giao thông	490,67	4,27	540,56	4,70
5	Đất nông nghiệp	2.402,66	20,91	2.066,87	17,99
5.1	Đất nông nghiệp phục vụ du lịch	341,72	2,97	491,72	4,28
5.2	Đất trồng lúa	866,95	7,55	639,56	5,57
5.3	Đất trồng màu	543,92	4,73	299,06	2,60
5.4	Đất nuôi trồng thủy sản	184,63	1,61	171,09	1,49
5.5	Đất lâm nghiệp	465,44	4,05	465,44	4,05
6	Đất có mặt nước chuyên dùng	397,02	3,46	397,02	3,46
<b>B</b>	<b>Đất tự nhiên khu vực nông thôn</b>	<b>4.906,40</b>	<b>42,70</b>	<b>5.206,80</b>	<b>45,32</b>
1	Đất ở nông thôn	221,29	1,93	280,62	2,44
1.1	Đất ở hiện trạng	150,95	1,31	150,95	1,31
1.2	Đất ở mới	70,34	0,61	129,67	1,13
2	Đất cơ quan	13,45	0,12	18,96	0,17
3	Đất trường học	8,76	0,08	8,76	0,08
4	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	110,44	0,96	173,56	1,51
5	Đất tôn giáo tín ngưỡng, di tích	21,60	0,19	21,60	0,19
6	Đất an ninh quốc phòng	11,69	0,10	11,69	0,10
7	Đất công nghiệp, TTCN, kho tàng	75,57	0,66	88,19	0,77
8	Đất giao thông	202,60	1,76	363,14	3,16

TT	Hạng mục sử dụng đất	Năm 2030		Năm 2040	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
9	Đất du lịch	136,60	1,19	153,88	1,34
10	Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật	5,31	0,05	5,31	0,05
11	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	225,27	1,96	225,27	1,96
12	Đất dự trữ phát triển	20,12	0,18	20,12	0,18
13	Đất nông nghiệp	2.958,83	25,75	2.940,83	25,60
14	Đất mặt nước chuyên dùng	894,87	7,79	894,87	7,79
<b>C</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>300,40</b>	<b>2,61</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>

## 8. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật

### 8.1. Giao thông

#### a) Giao thông đường bộ:

- Đường ven biển: Đoạn qua khu vực quy hoạch với tổng chiều dài khoảng 40km; bề rộng khoảng 62m; quy mô 6 - 8 làn và đường gom.

- Quốc lộ: Quốc lộ 8B cải tạo nâng cấp bề rộng mặt cắt ngang 35m với 6 làn xe cơ giới. Định hướng Quốc lộ 281 theo các tuyến đi theo các đường tỉnh và một số đường hiện có.

- Tỉnh lộ: Tỉnh lộ 546 được cải tạo nâng cấp khoảng 11,5 km đảm bảo đường cấp III đồng bằng với quy mô 2 làn cơ giới. Tỉnh lộ 547 đoạn đi trùng với đường ven biển quy mô 62m với 6 - 8 làn xe. Tỉnh lộ 549 được cải tạo nâng cấp khoảng 2,2km theo tiêu chuẩn đường đô thị bề rộng 27m, quy mô 4 làn.

- Huyện lộ: Cải tạo nâng cấp và xây mới các tuyến đường huyện với quy mô đường cấp IV, cấp V đồng bằng với 2 làn xe, đảm bảo kết nối các khu vực chức năng với hệ thống đối ngoại.

- Đường chính đô thị: Hệ thống đường chính đô thị kết nối các đô thị với hệ thống giao thông đối ngoại. Bề rộng mặt cắt ngang đường 35 - 90 m.

- Đường liên khu vực đô thị: Hệ thống liên khu vực đô thị kết nối các khu vực chức năng chính trong đô thị với hệ thống đường chính đô thị. Bề rộng mặt cắt ngang đường 24 - 50 m.

- Đường chính khu vực: Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới hệ thống đường chính khu vực đảm bảo đoạn qua khu dân cư với mặt cắt ngang đường 8 - 19m. Đoạn ngoài khu dân cư quy mô đường cấp VI với 2 làn xe cơ giới.

#### b) Giao thông đường thủy:

- *Luồng lạch*: Khai thông khoảng 12km tuyến vận tải trên sông Lam và khoảng 5km tuyến vận tải trên sông Hạ Vàng.

- *Hệ thống cảng thủy nội địa, bến thuyền du lịch*:

+ Cảng thủy nội địa: Cải tạo nâng cấp 4 cảng thủy nội địa dọc theo sông Lam và sông Hạ Vàng (Cảng cá Xuân Hội, cảng Xuân Phổ, cảng Xuân Hải, cảng cá Thạch Kim).

+ Hệ thống bến thuyền du lịch: Xây dựng các bến thuyền du lịch dọc theo bờ

biển phía Đông và dọc theo sông Lam để phục vụ nhu cầu phát triển du lịch đường biển và đường sông.

c) Hệ thống công trình phục vụ giao thông:

- Bến xe: Xây dựng mới 2 bến xe khách liên tỉnh; bến xe Nghi Xuân tại xã Xuân Hải với quy mô 1 - 1.5 ha và bến xe tại thị trấn Lộc Hà với quy mô khoảng 3 - 5ha đảm bảo phục vụ nhu cầu phát triển du lịch.

- Bãi đỗ xe tập trung: Xây dựng các bãi đỗ xe tập trung với quy mô 0.5 - 1.5 ha với bán kính phục 300 - 500m phục vụ nhu cầu đỗ xe của huyện trong tương lai.

8.2. Cao độ nền, thoát nước mưa

a) Định hướng cao độ nền:

- Đối với các thị trấn, làng xóm hiện trạng: Giữ nguyên nền hiện trạng. Nếu nền công trình hiện trạng thấp hơn báo động III, khi cải tạo, xây mới tôn nền công trình trên MN(III) + 0,3m.

- Đối với khu dự kiến xây mới:

+ Khu vực ảnh hưởng của lũ: Cao độ nền không chế tối thiểu đối với đất dân dụng trên MN (III) + 0,3m. Đối với các công trình công cộng dự kiến xây mới (UB, trường học, trạm điện...), cao độ nền không chế tối thiểu MN (III) + (0,7-1,0)m. Đối với khu công nghiệp dự kiến, cao độ nền không chế tối thiểu MN(III) + (1,0-1,5)m.

+ Khu vực có địa hình đồi núi: Khai thác quỹ đất có độ độ dốc  $i < 15\%$  và xây dựng theo thêm bậc của địa hình đồng mức. Giữa các thêm xây dựng có kè, tường chắn hoặc gia cố taluy. Chỉ san gạt mặt bằng lớn khi thực sự cần thiết.

+ Khu vực ảnh hưởng của thủy triều: Cao độ không chế xây dựng cho các công trình trên +2,88m, tùy theo yêu cầu của công trình có thể nâng thêm từ 0,3m đến 0,7m.

- Định hướng cao độ nền tối thiểu:

+ Khu vực Xuân Hội - Xuân Trường (Khu vực hình thành khu phức hợp với các chức năng: khu đô thị, du lịch, thương mại...): Dự kiến cao độ nền xây dựng khu dân cư không chế trong đê lầy cao hơn mực nước max tính toán 0,3m tương ứng với  $H_{xd} \geq 2,27m$ . Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thoát nước mưa riêng hoàn toàn đối với khu vực xây dựng mới, nửa riêng cho khu vực dân cư hiện trạng, hướng thoát ra sông Lam.

+ Đô thị Xuân Thành (đô thị loại 05): Căn cứ theo đồ án Điều chỉnh Quy hoạch phân khu xây dựng khu du lịch Xuân Thành gắn với sân Golf và các vùng phụ cận, chọn cao độ không chế  $H_{xd} \geq +2.7m$ . Hệ thống thoát nước riêng cho khu vực sân golf và khu đô thị mới, thoát nước nửa riêng cho khu vực dân cư hiện trạng, hướng thoát nước chính là ra lạch nước ngọt rồi sau đó thoát ra biển.

+ Đô thị Cương Gián (đô thị loại 05): Cao độ không chế  $H_{xd} \geq +3.0m$ , hệ thống thoát nước nửa riêng với khu vực dân cư hiện trạng và thoát nước riêng với khu vực xây dựng mới, hướng thoát chính là ra Rào Mỹ Dương.

+ Đô thị Lộc Hà (đô thị loại 05): Cao độ xây dựng không chế tối thiểu cho

những khu vực xây mới đối với dân dụng  $H_{xd} \geq +3.5m$ . Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thoát nước mưa riêng hoàn toàn, hướng thoát ra Cửa Sốt rồi thoát ra Biển Đông.

b) Định hướng thoát nước mưa:

- Lưu vực 01: Giới hạn bởi phía hữu sông Lam, xã Xuân Hội, Xuân Trường, Xuân Phổ, Xuân Hải đến xã Xuân Yên một phần với hướng thoát chính ra sông Lam, một phần thoát ra biển.

- Lưu vực 02: Từ xã Xuân Thành đến xã Cương Gián với hướng thoát một phần vào rào Mỹ Dương, một phần thoát ra biển.

- Lưu vực 03: Giới hạn từ núi Chân Tiên đến Cửa Sốt, hướng thoát nước chính ra Cửa Sốt rồi thoát ra biển.

### 8.3. Cấp nước

- Vùng cấp nước 1: Nguồn nước từ nhà máy nước Xuân Mỹ, nước thô cấp cho nhà máy nước từ hồ Xuân Hoa. Bao gồm các đơn vị hành chính của huyện Nghi Xuân là Khu vực Xuân Hội - Xuân Trường, đô thị Xuân Thành; đô thị Cương Gián và 06 xã là Xuân Đan, Xuân Phổ, Xuân Hải, Xuân Yên, Cổ Đạm, Xuân Liên. Xây dựng mới các tuyến ống truyền dẫn từ Nhà máy nước Xuân Mỹ về vùng 1 đường kính  $\Phi 500$  dọc đường xã từ Xuân Mỹ đi Xuân Thành và đường kính  $\Phi 400$  dọc đường ven biển. Phát triển mạng lưới phân phối kết nối mạch vòng với các tuyến truyền dẫn cho các khu vực hiện có và khu vực xây mới đường kính  $\Phi 315$ ,  $\Phi 225$ ,  $\Phi 160$ ,  $\Phi 110$ .

- Vùng cấp nước 2: Được cấp nước từ Nhà máy nước Thạch Bằng, nước thô cấp cho nhà máy nước từ hồ Khe Hao. Gồm đô thị Lộc Hà và xã Thịnh Lộc huyện Lộc Hà. Sử dụng tuyến ống truyền dẫn hiện có từ Nhà máy nước Thạch Bằng đường kính  $\Phi 355$  dọc đường ven biển. Phát triển mạng lưới phân phối kết nối mạch vòng với các tuyến truyền dẫn cho các khu vực hiện có và khu vực xây mới đường kính  $\Phi 315$ ,  $\Phi 225$ ,  $\Phi 160$ ,  $\Phi 110$ .

### 8.4. Cấp điện và chiếu sáng đô thị

- *Nguồn điện cấp điện cho Vùng 1:* Tiếp tục sử dụng trạm 110kV Nghi Xuân (2X25)mW, theo quy hoạch chuyên ngành điện lực Tỉnh đến năm 2025 nâng công suất Trạm Nghi Xuân (2x40)mW;

- *Nguồn điện cấp điện cho Vùng 2:* Tiếp tục sử dụng nguồn điện từ Trạm 110kV Can Lộc (2x25mW) cấp đến, đến năm 2025 nâng công suất Trạm 2x40mW; Theo Quy hoạch điện lực Tỉnh đến năm 2035, xây dựng Trạm 110kV Nghi Xuân 2 (1x40)mW tăng cường cho phụ tải vùng 2.

- *Nguồn điện cấp điện cho Vùng 3:* Trước mắt vẫn sử dụng nguồn điện từ Trạm 110kV Thạch Linh cấp đến; Theo quy hoạch điện lực Tỉnh đến năm 2025, xây dựng trạm biến áp 110/22kV Lộc Hà 1( 1x40mW) và đến năm 2040 nâng công suất Trạm thành 2x40mW, đến năm 2035 xây dựng Trạm 110kV Lộc Hà 2 (1X40)mW tăng cường cho phụ tải vùng 3;

- *Lưới điện*

+ Xây mới tuyến 110kV nhánh rẽ Nghi Xuân - Can Lộc đi trạm 110kV Nghi



## Xuân 2;

+ Xây mới tuyến 110kV nhánh rẽ Nghi Xuân - Can Lộc - Thạch Linh về trạm Lộc Hà 1 đi qua ranh giới nghiên cứu

+ Thiết kế các mạch vòng, vận hành hồ đảm bảo cấp điện linh hoạt liên tục, tiện lợi khi thao tác và đóng, ngắt, bảo vệ.

+ Đối với khu vực trung tâm, khu vực đô thị mới, sử dụng cáp ngầm XLPE chống thấm.

- *Trạm biến áp phân phối:*

+ Các khu đô thị mới hoặc khu dân cư mới: Sử dụng trạm xây, đường dây trung hạ thế phải sử dụng cáp ngầm để đảm bảo mỹ quan đô thị.

+ Các khu vực dân cư hiện trạng đối ổn định: Sử dụng kiểu trạm cột. Các trạm biến áp treo khi được cải tạo thay máy hoặc nâng công suất có thể chuyển sang kết cấu dạng cột.

- *Lưới chiếu sáng:* Tại khu vực trung tâm thành phố, thị trấn và các tuyến phố chính lưới chiếu sáng bố trí đi ngầm. Trục đường thôn xóm và các trục nhánh được cải tạo và nâng cấp, sử dụng cáp đi nổi chung cột với lưới hạ thế

### 8.5. Thông tin liên lạc

- Giai đoạn đến 2030: Phát triển cáp quang đến tất cả các trung tâm các xã. Thực hiện xây dựng mạng cáp quang đồng bộ với hạ tầng các khu đô thị mới. Xây dựng các đường cáp quang và thiết bị truy nhập phù hợp phục vụ các khu vực tập trung dân cư. Xây dựng các tuyến cáp quang đến thôn.

- Giai đoạn 2030- 2040

+ Phát triển mạng cáp viễn thông theo hướng cáp quang hóa, ngầm hóa: xây dựng hạ tầng công bề cáp ngầm hóa mạng ngoại vi trên diện rộng tại đô thị.

+ Ngầm hóa mạng cáp truyền hình cáp đồng bộ với quá trình ngầm hóa mạng cáp viễn thông. Ngầm hóa theo hướng sử dụng chung cơ sở hạ tầng giữa các doanh nghiệp.

+ Tại những khu vực chưa đủ điều kiện thực hiện ngầm hóa, tiến hành cải tạo hạ tầng mạng cáp ngoại vi đảm bảo mỹ quan đô thị.

### 8.6. Định hướng thoát nước thải, quản lý CTR và nghĩa trang

- *Thoát nước thải:*

+ Khu vực đô thị: Hệ thống thoát nước hỗn hợp (cống riêng và nửa riêng), xử lý phân tán theo lưu vực.

+ Khu vực nông thôn: Hệ thống thoát nước chung; tận dụng kênh, mương, ao, hồ xử lý sinh học trong điều kiện tự nhiên.

+ Khu vực trung tâm y tế: Hệ thống thoát nước riêng.

+ Khu vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, khu du lịch: Sử dụng hệ thống thoát nước riêng, xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- *Quản lý chất thải rắn*

- + Chất thải rắn trong vùng được phân loại triệt để tại nguồn.
- + Chất thải rắn y tế khuyến khích xử lý tại chỗ bằng lò đốt chất thải y tế.
- + Chuyển các điểm tập kết chất thải rắn theo quy hoạch nông thôn mới thành các điểm trung chuyển chất thải rắn.

+ Chất thải rắn xử lý tại khu xử lý chất thải rắn tập trung.

- *Nghĩa trang:*

+ Nhu cầu đất nghĩa trang mới đến 2030 là 6,1 ha; đến 2040 là 7,2 ha.

+ Nghĩa trang hiện có nằm trong khu vực đô thị không đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định phải dừng các hoạt động táng (hung táng, cát táng...), tổ chức lại khang trang, trồng cây xanh cách ly, cải tạo thành công viên nghĩa trang.

+ Nhu cầu sử dụng đất nghĩa trang đô thị sẽ được đáp ứng tại các nghĩa trang tập trung đã theo quy hoạch đô thị được phê duyệt.

+ Nhu cầu sử dụng đất nghĩa trang nông thôn sẽ được đáp ứng tại các nghĩa trang tập trung theo quy hoạch nông thôn mới đã được phê duyệt.

+ Khuyến khích người dân sử dụng hình thức hỏa táng.

### 8.7. Đánh giá môi trường chiến lược

Các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu cải thiện các vấn đề môi trường trong đồ án quy hoạch:

- *Đối với môi trường nước:*

+ Các khu vực đô thị mới: Đầu tư hệ thống xử lý nước riêng của từng khu, hoặc hệ thống bể tự hoại qui mô nhỏ trước khi thải vào hệ thống thoát nước và xử lý nước chung của đô thị.

+ Khu vực nông thôn: Đầu tư xây bể tự hoại xử lý cục bộ nước thải rồi thoát ra hệ thống thoát nước chung.

+ Các cụm công nghiệp, cảng biển: Thường xuyên kiểm soát môi trường định kỳ, nhằm cảnh báo và nhắc nhở các cơ sở chú ý duy tu, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải, bụi.

+ Đối với nước thải y tế và công nghiệp: Xử lý 100% tại nguồn và trách nhiệm thuộc đơn vị phát thải

+ Đối với làng nghề: Tiến hành quy hoạch các làng nghề, cụm nghề sản xuất tập trung nhằm di dời các cơ sở sản xuất bị ô nhiễm ra khỏi khu vực dân cư.

+ Đối với nước thải sinh hoạt: Xử lý sơ bộ tại nguồn trước khi xả nước thải ra môi trường

- *Đối với môi trường đất:*

+ Việc quản lý các hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật phải đảm bảo diện tích cây xanh đô thị.

+ Sử dụng hợp lý phân bón, hóa chất bảo vệ thực vật và kích thích sinh trưởng.

- *Đối với môi trường không khí:*

+ Xử lý ô nhiễm không khí do hoạt động giao thông đô thị: Các tuyến đường

có mật độ phương tiện cao, bố trí trồng cây xanh bên đường nhằm giảm thiểu ô nhiễm bụi và tiếng ồn. Tăng cường sử dụng các phương tiện ít gây ô nhiễm, rửa đường thường xuyên để giảm bụi, cải thiện chất lượng mặt đường...

+ Thực hiện việc quan trắc chất lượng không khí toàn huyện. Tập trung quan trắc xác định những khu ô nhiễm trọng điểm để từ đó đưa ra những biện pháp khắc phục.

+ Tăng cường kiểm tra, có biện pháp hạn chế bụi xây dựng tại các công trình và phương tiện vận chuyển vật liệu, phế thải xây dựng. Các công trình xây dựng phải được che chắn và áp dụng các biện pháp giảm bụi. Vật liệu xây dựng, đất thải, phế thải phải được vận chuyển bằng các phương tiện chuyên dụng đảm bảo không rơi văng ra đường.

- *Đối với chất thải rắn*: Chất thải rắn phân loại ngay tại nguồn, thu gom và xử lý triệt để, tránh ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường. Nhân rộng mô hình xã hội hóa trong công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

**Điều 2.** Giao trách nhiệm cho các cơ quan, địa phương, đơn vị liên quan:

1. Sở Xây dựng ban hành quy định quản lý xây dựng theo đồ án quy hoạch được duyệt.

2. UBND huyện Nghi Xuân, UBND huyện Lộc Hà tổ chức công bố công khai đồ án quy hoạch theo đồ án quy hoạch được duyệt theo quy định.

3. UBND huyện Nghi Xuân, UBND huyện Lộc Hà, UBND các xã trong khu vực lập quy hoạch thực hiện quản lý quy hoạch, quản lý đất đai; tổ chức tuyên truyền vận động các cơ quan, đơn vị và nhân dân trên địa bàn tham gia quản lý và bảo vệ quy hoạch.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Chủ tịch UBND huyện Nghi Xuân, Chủ tịch UBND huyện Lộc Hà, Chủ tịch UBND các xã trong khu vực quy hoạch và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- PVP Nguyễn Duy Nghị;
- Trung tâm TTCBTH;
- Lưu: VT, XD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Đặng Quốc Khánh